TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST
Ngày: 05/7/2022
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Nguyễn Tấn Để

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về "tranh chấp đòi lại tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1964

HKTT: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp T1, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị C,** sinh năm 1988

HKTT: ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Đ1, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh **Lâm Văn H1**, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2015 chị Phạm Thị C có tham gia một dây hụi (bà không biết ai làm chủ hụi), sau đó chị C không có khả năng đóng tiếp nên thỏa thuận bán lại cho bà. Mỗi tháng bà đều đưa tiền cho chị C đóng hụi, đến khi kết thúc hụi chị C nói với bà là được số tiền 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng) nhưng chị C không giao số tiền này cho bà, chị C hứa từ từ sẽ trả. Vì chị C là con dâu nên bà chỉ nhắc nhở, cho con có thời gian trả lại. Đến năm 2018 chị C và anh Lâm Văn H1 (là con ruột của bà) ly hôn, bà đã nhiều lần yêu chị C trả nhưng chị C nại ra nhiều lý do mà không thực hiện.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chị C trả lại cho bà số tiền 17.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Bị đơn chị Phạm Thị C trình bày: Chị xác định trước đây chị và anh H1 có nợ hụi bà H số tiền 17.000.000đồng. Đây là nợ chung của chị và anh H1. Nay chị và anh H1 đã ly hôn, nếu bà H yêu cầu trả thì chị đề nghị anh H1 (con bà H) có trách nhiệm trả một nữa, chị trả một nữa số tiền này. Sau đó chị thay đổi lời khai, không đồng ý trả cho bà H khoản tiền nào.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn H1 trình bày: Ban đầu anh không biết việc thỏa thuận giữa bà H và chị C, một thời gian sau anh mới biết và ngăn cản nhưng bà H, chị C không nghe. Anh và chị C đã ly hôn, còn tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận xong. Nay giữa họ tranh chấp với nhau thì tự giải quyết, anh không có liên quan gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà H yêu cầu chị C có trách nhiệm trả lại 1/2 số tiền 17.000.000đồng là 8.500.000đồng. Bà H không có yêu cầu gì liên quan đến anh H1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc chị C trả lại cho bà H số tiền 8.500.000đồng. Bà H không có yêu cầu gì liên quan đến anh H1 nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị C trả lại số tiền nợ hụi hai bên thỏa thuận với nhau. Do đó theo Điều 166 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là "tranh chấp đòi lại tài sản".

[2] Bị đơn chị Phạm Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu chị C có trách nhiệm trả lại 1/2 số tiền 17.000.000đồng là 8.500.000đồng, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của bà H.

[4] Bà H khởi kiện cho rằng vào năm 2015 chị C có bán lại cho bà một chân hụi, mỗi tháng bà đều đưa tiền cho chị C đóng hụi, đến khi kết thúc hụi chị C nói với bà là được số tiền 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng) nhưng chị C không giao số tiền này cho bà nên bà H khởi kiện. Theo bà H số tiền chị C còn nợ là 17.000.000đồng; còn chị C khai có nợ hụi bà H số tiền 17.000.000đồng nhưng cho rằng đây là nợ chung của chị và anh H1, chị và anh H1 đã ly hôn, nếu bà H yêu cầu trả thì chị đề nghị anh H1 có trách nhiệm trả một nữa, chị trả một nữa số tiền này. Sau đó chị thay đổi lời khai, không đồng ý trả cho bà H khoản tiền nào. Hội đồng xét xử xét thấy, qua tờ tường trình ngày 12/11/2021 và biên bản lấy lời khai có đủ cơ sở để kết luận chị C có nợ tiền hụi của bà H (bút lục 22, 23). Tại phiên tòa bà H cho rằng chị C nại ra nợ chung của vợ chồng để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, trước đây anh H1 đã ngăn cản mà bà không nghe nên nay bà chỉ yêu cầu chị C có trách nhiệm trả lại 1/2 số tiền 17.000.000đồng là

8.500.000đồng. Xét thấy yêu cầu này của bà H là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, do đó buộc chị C có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền 8.500.000đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

[5] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H buộc chị C phải trả cho bà H số tiền là 8.500.000đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc chị Phạm Thị C phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 8.500.000đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng.

Bà H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 425.000đồng (bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo lai thu số 0005056 ngày 25/10/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh